

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(ÁP DỤNG TỪ KHÓA 66, TUYỂN SINH NĂM 2024)

Hà Nội, tháng 12 năm 2023

Số: 1596/QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học
áp dụng từ khóa 66 (tuyển sinh năm 2024)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ vào Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHKTQD-HĐT ngày 09/3/2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Đề án tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 368/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/6/2022 của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2819/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/11/2022 của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế Quốc dân quy định mở ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/02/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo, Ban thư ký, Ban chuyên môn và Quyết định số 193/QĐ-ĐHKTQD ngày 01/3/2023 của Hiệu trưởng về việc thành lập các tiểu ban chuyên môn rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ vào Biên bản thông qua 37 chương trình đào tạo trình độ đại học cập nhật năm 2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 18/12/2023 và đề xuất của các Khoa, Viện đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 37 chương trình đào tạo trình độ đại học áp dụng từ khóa 66 tuyển sinh năm 2024 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

(có 37 chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Quản lý đào tạo, Trường khoa, Viện trưởng, Trường bộ môn, Trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/cáo);
- Đảng ủy, HĐT (để b/cáo);
- Như Điều 3;
- P.TT (để đăng Công TTĐT);
- Lưu: VT, QLĐT.



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Phạm Hồng Chương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1596 /QĐ-ĐHKTQD ngày 28 /12/2023 của Hiệu trưởng)

1. THÔNG TIN CHUNG

Chương trình/Programme:	Cử nhân Thống kê kinh tế/Bachelor of Economic Statistics
Trình độ đào tạo/Level of Education:	Đại học/Undergraduate
Ngành đào tạo/Major:	Thống kê kinh tế/Economic Statistics
Mã ngành/Code:	7310107
Hình thức đào tạo/Type of Education:	Chính quy/Full-time
Ngôn ngữ đào tạo/Language:	Tiếng Việt/Vietnamese
Thời gian đào tạo/Duration Time:	4 năm/ 4 Years
Số tín chỉ:	130
Quyết định mở ngành, cấp ban hành:	6038/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Kiểm định chương trình:	Năm 2023
Thời điểm điều chỉnh:	Tháng 12 năm 2023
Áp dụng từ năm tuyển sinh:	2024 (khóa 66 đại học chính quy)
Đơn vị cấp bằng:	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Đơn vị quản lý chuyên môn:	Khoa Thống kê

2. TRIẾT LÝ, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ ĐỊNH HƯỚNG NƠI LÀM VIỆC SAU TỐT NGHIỆP

2.1. Triết lý giáo dục

Kiến tạo con đường thông minh để mỗi người trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mang lại giá trị cho cộng đồng.

2.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Thống kê Kinh tế nhằm đào tạo cử nhân Thống kê Kinh tế có kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh và có kiến thức chuyên sâu về thống kê kinh tế bao gồm: (i) thu thập dữ liệu; (ii) tổng hợp và trình bày dữ liệu; (iii) phân tích dữ liệu và dự báo phục vụ quá trình ra quyết định ở cấp: quốc gia, ngành, địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế.

Chương trình đào tạo Thống kê Kinh tế trang bị cho người học khả năng tư duy độc lập, dẫn dắt, phối hợp nhằm giải quyết vấn đề dựa trên bằng chứng, chủ động và linh hoạt với sự thay đổi của môi trường quốc tế và trong nước. Từ đó, sinh viên có thể đáp ứng với điều kiện làm việc của công dân toàn cầu: chuyên nghiệp, hiệu quả và trách nhiệm.

- Mục tiêu cụ thể

Mã /Code	Mô tả /Description
PO1	Có kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, pháp luật và khoa học tự nhiên
PO2	Có kiến thức nền tảng về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về thống kê kinh tế
PO3	Có khả năng vận dụng lý thuyết vào phân tích, tổng hợp và đề xuất giải quyết các vấn đề thống kê trong kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh
PO4	Có kỹ năng thu thập dữ liệu, sử dụng phần mềm, xây dựng mô hình phân tích và dự báo thống kê phục vụ cho việc quản lý
PO5	Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan trong công việc (giao tiếp xã hội, thuyết phục, đề xuất chính sách...) và trình bày chuyên nghiệp các vấn đề chuyên môn bằng văn bản và thuyết trình
PO6	Có năng lực làm việc độc lập, khả năng thích ứng và kỹ năng tham gia, điều phối và dẫn dắt trong các hoạt động nhóm
PO7	Có chính kiến và nhận thức và có tư duy phản biện; Có tinh thần và nhận thức đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; Có sức khỏe và có đủ năng lực để thực hiện các công việc chuyên môn và chịu được áp lực công việc

3. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

4. CHUẨN ĐẦU RA

4.1. Chuẩn đầu ra của chương trình

Khi tốt nghiệp, sinh viên có thể:

Mã /Code	Nội dung chuẩn đầu ra
1.	Chuẩn về kiến thức
a.	Chuẩn kiến thức chung của Trường
PLO1.1	Vận dụng được thể giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và của Đảng Cộng sản Việt Nam vào học tập, nghiên cứu, vào đời sống thực tiễn trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN (mức 3/6).
PLO1.2	Vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý vào giải quyết các vấn đề kinh tế-xã hội ở tầm vĩ mô, ngành và doanh nghiệp (mức 3/6).
PLO1.3	Vận dụng được các kiến thức về CNTT, các kiến thức về phân tích định lượng vào thực tế, gắn kết với chuyển đổi số ở các cấp độ khác nhau (mức 3/6).
b.	Chuẩn kiến thức của ngành
PLO1.4	Vận dụng được các kiến thức cơ bản về toán và tin học ứng dụng trong thống kê (mức 3/6).
PLO1.5	Xác định các hoạt động thống kê chuyên sâu, bao gồm: tổ chức hệ thống thông tin thống kê; thu thập dữ liệu thống kê; xử lý và tổng hợp thống kê; phân tích - dự báo thống kê trong các đơn vị/tổ chức kinh tế (mức 4/6).
PLO1.6	Đánh giá được các mô hình phân tích thống kê ứng dụng trong thực tế, các bằng chứng khoa học từ phân tích dữ liệu phục vụ cho quá trình ra quyết định (mức 5/6).
2.	Chuẩn về kỹ năng
a.	Chuẩn kỹ năng chung của Trường
PLO2.1	Kết hợp các kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản: sử dụng máy tính; xử lý văn bản; sử dụng bảng tính; sử dụng trình chiếu; sử dụng internet... để học tập, nghiên cứu và ứng dụng thực tế (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng) (mức 4/5).
PLO2.2	Thành thạo tiếng Anh cơ bản để học tập, nghiên cứu và sử dụng trong thực tế (chi tiết theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng) (mức 4/5).
b.	Chuẩn kỹ năng của ngành
PLO2.3	Thành thạo kỹ năng thu thập dữ liệu thống kê; xây dựng và tính toán hệ thống chỉ tiêu thống kê; sử dụng các công cụ và phần mềm thống kê để thu thập, tổng hợp, phân tích dữ liệu và dự báo thống kê phục vụ cho việc quản lý và hoạch định chính sách kinh tế xã hội ở các ngành, các cấp khác nhau (mức 4/5).
PLO2.4	Kết hợp kỹ năng xây dựng và tổ chức thực hiện các mô hình phân tích thống kê trong các lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh và kỹ năng ra

	quyết định dựa trên bằng chứng ở cấp vĩ mô và vi mô (mức 4/5).
3.	Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm
PLO3.1	Thể hiện được sự tự lực khi làm việc độc lập, thể hiện trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm làm việc (mức 5/5).
PLO3.2	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động (mức 5/5)
PLO3.3	Thể hiện quan điểm và bảo vệ quan điểm cá nhân dựa trên cách tiếp cận khách quan, khoa học (mức 5/5).
PLO3.4	Xác định thực hiện trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp trong việc đưa ra những nhận định, đánh giá về các vấn đề chuyên môn (mức 4/5).

4.2. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
PLO1.1	x						
PLO1.2	x	x					
PLO1.3	x	x					
PLO1.4	x	x					
PLO1.5		x	x				
PLO1.6		x	x				
PLO2.1				x			
PLO2.2					x		
PLO2.3				x	x		
PLO2.4				x	x		
PLO3.1						x	
PLO3.2						x	
PLO3.3							x
PLO3.4							x

4.3. Cơ hội làm việc và khả năng học tập nâng cao

- Cơ hội việc làm: Cử nhân Thống kê kinh tế có thể làm việc tại các cơ quan sau:
- + Các đơn vị kinh tế (doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tài chính) ở vị trí phân tích dữ liệu, lập chiến lược - kế hoạch kinh doanh, và dự báo thị trường;
- + Các cơ quan thống kê nhà nước/bộ-ngành, các bộ phận phân tích chính sách của đơn vị sự nghiệp công;
- + Các công ty, tổ chức tư vấn và nghiên cứu thị trường trong nước và quốc tế;
- + Các dự án, tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế;
- + Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các viện nghiên cứu trong nước và quốc tế.

- Khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp: Cử nhân Thống kê kinh tế có khả năng học tập liên thông, chuyển đổi và phát triển ngành nghề rộng; có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học trong nước và quốc tế.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Chương trình đào tạo theo quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Kế hoạch đào tạo chuẩn là 04 năm, sinh viên có thể tốt nghiệp sớm hoặc muộn theo quy định.

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

c) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;

d) Hoàn thành “Tuần sinh hoạt công dân-sinh viên” và đạt điểm đánh giá rèn luyện theo quy định đối với sinh viên đại học chính quy;

đ) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc của chương trình

Thành phần	Số TC	Ghi chú
1. Giáo dục đại cương	47	
1.1. Các học phần chung	14	Lý luận chính trị và pháp luật
1.2. Các học phần chung của trường	21	4 học phần chung và ngoại ngữ
1.3. Các học phần chung của lĩnh vực	12	4 học phần chung của lĩnh vực
1.4. Giáo dục thể chất	-	3 tín chỉ
1.5. Giáo dục Quốc phòng - An ninh	-	165 tiết/8 tín chỉ quy đổi
2. Giáo dục chuyên nghiệp	83	
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành	12	4 học phần chung của nhóm ngành
2.2. Các học phần của ngành	61	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	31	
2.2.2. Các học phần tự chọn	30	SV tự chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần
2.3. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	130	Không gồm GDTC và GDQP-AN

6.2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			47		
	1.1. Các học phần chung			14		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I-II	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II-III -IV	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	III=> VI	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III- VI	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	IV=> VII	
6	6	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
		Giáo dục thể chất Physical Education (3 tín chỉ)	GDTC	-	-	-
		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education (165 tiết/8 tín chỉ quy đổi)	GDQP	-	-	-
	1.2. Các học phần chung của Trường			21		
7	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
10	4	Cơ sở dữ liệu Databases	TIKT1130	3	II	
11	5	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II- III	
	1.3. Các học phần chung của lĩnh vực			12		
12	1	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	II	KHMI1101
13 14	2	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	III	KHMI1101
15	3	Lý thuyết xác suất	TOKT1105	3	I	

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
		Probability Theory				
	4	Lý thuyết thống kê 1 Theory of Statistics 1	TKKD1101	3	II	TOKT1105
2. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				83		
2.1. Các học phần chung của nhóm ngành				12		
16 17 18 19	1	Kinh tế phát triển Development Economics	PTKT1128	3	III	
	2	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	III	
	3	Kinh tế và quản lý môi trường Environmental Economics and Management	MTKT1104	3	IV	
	4	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3	IV	
2.2. Các học phần của ngành				61		
2.2.1 Các học phần bắt buộc				31		
20	1	Lý thuyết thống kê 2 Theory of Statistics 2	TKKD1102	3	III	TKKD1101
21	2	Lý thuyết thống kê 3 Theory of Statistics 3	TKKD1130	3	IV	TKKD1102
22	3	Thống kê kinh tế Economic Statistics	TKKT1110	3	IV	TKKD1102
23	4	Hệ thống tài khoản quốc gia System of National Accounts	TKKT1101	3	V	TKKT1110
24	5	Điều tra xã hội học Surveys in social research	TKKT1103	3	IV	TKKD1101
25	6	Tin học ứng dụng trong Thống kê Applied Infomatics for Statistics	TKKD1106	3	IV	TKKD1102
26	7	Phân tích dữ liệu 1 Data analysis 1	TKKT1133	3	V-VI	TKKD1102
27	8	Những nguyên lý cơ bản của khai phá dữ liệu Principles of data mining	TKKD1121	3	VI-VII	TKKD1102
28	9	Tiếng Anh ngành Thống kê kinh tế English for Economic Statistics	TKKT1126	3	V	TKKD1101
29	10	Chuyên đề thực tế Project	TKKD1132	4	IV-V-VI	
2.2.2 Các học phần tự chọn (SV chọn 10 học phần trong tổ hợp 15 học phần)				30		

STT	Nội dung và kế hoạch giảng dạy		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
30 ... 34 35 ... 39	1	Đại số Algebra	TOCB1101	3	II	
	2	Tài chính doanh nghiệp Corporate Finance	NHTC1120	3	V	KTKE1101 NHLT1107
	3	Cơ sở lập trình Basic Programing	CNTT1128	3	III	
	4	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3	V	
	5	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	V	
	6	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	TIHT1102	3	III	
	7	Lập trình Python Python Programming	CNTT1180	3	V-VI	CNTT1128 TIKT1130
	8	Phân tích dữ liệu 2 Data analysis 2	TKKT1134	3	VI-VII	TKKD1102
	9	Phân tích dữ liệu lớn Big data analysis	TKKD1127	3	VI-VII	TKKD1102
	10	Thống kê doanh nghiệp Statistics in Enterprises	TKKD1116	3	V-VI	TKKD1102
	11	Thống kê chất lượng Statistics in Quality Management	TKKD1112	3	VI-VII	TKKD1102
	12	Thống kê dân số và lao động Demography and Labor Statistics	TKKT1130	3	V-VI	TKKD1102
	13	Thống kê thương mại và du lịch Trade and Tourism Statistics	TKKT1131	3	V-VI	TKKD1102
	14	Thống kê xã hội và môi trường Social and Environmental Statistics	TKKT1132	3	V-VI	TKKD1102
	15	Thống kê tài chính và bảo hiểm Finance and Insurance Statistics	TKKD1131	3	V-VI	TKKD1102
40	2.3. Khóa luận tốt nghiệp Graduation Thesis		TKKT1128	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ (không gồm GDTC và GDQP-AN)			130		

7. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN (Phụ lục 1)

8. MA TRẬN LIÊN KẾT CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA (Phụ lục 2)

9. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

9.1. Phương pháp giảng dạy

- Chương trình chủ yếu sử dụng phương pháp giảng dạy theo mô hình Lecture/Seminar phối hợp với các phương pháp khác như dạy theo vấn đề, tình huống, mô phỏng, theo dự án và tăng cường trải nghiệm thực tế, kiến tập và thực tập.
- Phương pháp giảng dạy từng học phần được ghi trong đề cương chi tiết. Tổng quát có các phương pháp sau đây: Thuyết giảng/Câu hỏi gợi mở, Thảo luận, Nghiên cứu bài học và tài liệu, Nghiên cứu tình huống, Thực tập, đi thực tế.
- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.

9.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Về đánh giá kết quả học tập từng học phần theo tỷ lệ 10% điểm chuyên cần, 40% điểm đánh giá quá trình và 50% điểm thi kết thúc học phần.
- Phương pháp đánh giá quá trình: Thảo luận trên lớp; Bài tập về nhà; Bài tập nhóm; Thuyết trình; Kiểm tra.
- Phương pháp đánh giá thi kết thúc học phần (cuối kỳ): Trắc nghiệm; Viết luận; Thực hành; Tiểu luận/chuyên đề.
- Đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc học kỳ, khóa luận tốt nghiệp... dựa trên các rubrics, ma trận đề thi đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị, chính xác và công bằng.
- Đóng góp của của phương pháp giảng dạy vào chuẩn đầu ra được ghi chi tiết trong đề cương học phần.
- Từng học phần được đánh giá theo thang điểm 10 được quy đổi ra thang điểm chữ, thang điểm 4 theo quy định.

9.3. Đánh giá chuẩn đầu ra của khóa học

Kết thúc khóa học, Trường/Khoa/Viện đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của khóa học, bao gồm:

- Đánh giá mức độ đạt được của sinh viên trước khi tốt nghiệp (qua khảo sát).
- Hệ thống quản lý đào tạo tự động tính mức độ đạt được của chuẩn đầu ra khóa học khi sinh viên tốt nghiệp.
- Nhà tuyển dụng đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của sinh viên sau khi tốt nghiệp được 01 năm/12 tháng (qua khảo sát).

10. CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THAM KHẢO

- Cử nhân Đại học chính quy chương trình Thông kê kinh doanh (Chương trình Chuẩn) - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ tra cứu: Cử nhân Đại học chính quy chương trình Thông kê kinh doanh (Chương trình Chuẩn) – CÔNG TUYÊN SINH UEH

- Cử nhân ngành Thông kê Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

Địa chỉ tra cứu: Khoa Thống Kê Tin Học (udn.vn)

- Cử nhân Thống kê (Bachelor of Statistics) - College of Business and Economics, Australian National University

Địa chỉ tra cứu: Bachelor of Statistics - ANU

- Cử nhân Thống kê (Statistics Major) - College of Computing, Data Science, and Society, University of California

Địa chỉ tra cứu: Statistics Major | Department of Statistics (berkeley.edu)

11. TIÊU CHUẨN ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

➤ Giảng viên:

- Tốt nghiệp thạc sĩ trở lên, cụ thể:

○ Giảng viên giảng dạy các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy.

○ Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy.

○ Giảng viên giảng dạy các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần giảng dạy.

- Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên.

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên.

➤ Trợ giảng

- Tốt nghiệp đại học trở lên, cụ thể:

○ Trợ giảng các học phần thuộc khối giáo dục đại cương phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc các nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.

○ Trợ giảng các học phần cơ sở ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.

○ Trợ giảng các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành phải được đào tạo ở ít nhất một bậc học (từ bậc 6 trở lên trong Khung trình độ quốc gia) thuộc nhóm ngành phù hợp về chuyên môn với học phần trợ giảng.

- Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng ngoại ngữ trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh trợ giảng.

12. CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÔNG NGHỆ VÀ HỌC LIỆU

Trường Đại học Kinh tế quốc dân có chiến lược phát triển đến năm 2030 trở thành đại học thông minh, chú trọng đảm bảo và đáp ứng những yêu cầu về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo, để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phù hợp với đặc điểm của từng ngành, nhóm ngành hoặc lĩnh vực đào tạo. Những yêu cầu này được chi tiết và cụ thể trong các đề án mở ngành, xây dựng và ban hành chương trình đào tạo, đề án tuyển sinh đại học hàng năm, trong báo cáo 3 công khai ... được báo cáo Bộ GD&ĐT đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Trường.

Các môn học/học phần trong chương trình đào tạo đảm bảo đầy đủ bộ học liệu theo quy định hiện hành, cụ thể gồm: giáo trình, đề cương học phần, slide bài giảng và các học liệu khác.

13. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Căn cứ kế hoạch đào tạo chuẩn, Trường đăng ký mặc định thời khóa biểu từng học kỳ chính cho sinh viên, trừ học kỳ đầu tiên các học kỳ kế tiếp sinh viên được điều chỉnh đăng ký số tín chỉ/học phần tăng lên hoặc giảm đi theo quy định.
- Sinh viên được thi lại (01 lần/học phần) hoặc thi cải thiện điểm theo quy định.
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Từ học kỳ thứ hai, nếu đạt học lực khá sinh viên có thể được đăng ký học cùng lúc hai chương trình vào bất kỳ chương trình/ngành của trường theo quy định.
- Khối lượng kiến thức, phương pháp dạy và học, cách đánh giá học phần, nội dung cần đạt được (CĐR/CLO) của từng học phần được mô tả, quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

TRƯỜNG KHOA

PGS.TS Trần Thị Bích

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Phạm Hồng Chương